

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy chế quản lý, sử dụng và khai thác
Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 142/2015/TT-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá;

Căn cứ Thông tư số 93/2021/TT-BTC ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cấu trúc, định dạng dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Căn cứ Thông tư số 33/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về kinh phí đầu tư xây dựng, duy trì, nâng cấp, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 182/TTr-STC ngày 06 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý, sử dụng và khai thác Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ (B/cáo);
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Thành ủy, Huyện ủy, UBND các huyện, thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- Báo Lạng Sơn, Đài PTTH tỉnh;
Công báo tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM;
- Lưu: VT, KT(NTA).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Thanh Sơn



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý, sử dụng và khai thác

Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /2024/QĐ-UBND

ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Những nội dung không được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 142/2015/TT-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh và các đơn vị trực thuộc; các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng và khai thác phần mềm Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Các từ ngữ được sử dụng trong Quy chế này được thực hiện theo nội dung giải thích Luật Giá.

2. Ngoài các từ ngữ tại khoản 1 Điều này, những từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau:

a) Tài sản công được áp dụng tại Quy chế này bao gồm các tài sản là đất, trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô các loại, tài sản khác có đủ tiêu chuẩn tài sản cố định theo quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định pháp luật hiện hành; các tài sản khác phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; tài sản thuộc sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp.

b) Cơ sở dữ liệu về giá là tập hợp tài liệu, dữ liệu thông tin về giá của tài sản, hàng hóa, dịch vụ và các thông tin liên quan, do cơ quan quản lý nhà nước về giá của tỉnh Lạng Sơn (gọi chung là Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương) xây dựng, quản lý một cách có hệ thống, có tổ chức để phục vụ quản lý nhà nước

trong lĩnh vực giá và cung cấp thông tin về giá theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.

Điều 4. Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

1. Hỗ trợ các sở, ban, ngành liên quan truy cập vào phần mềm để thực hiện cập nhật giá hàng hóa thuộc báo cáo giá thị trường, giá hàng hóa dịch vụ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quy định. Cho phép gửi báo cáo giá bằng điện tử ngay trên phần mềm đến Sở Tài chính.

2. Lấy số liệu tham chiếu giá thị trường của các tỉnh khác để tham khảo hỗ trợ công tác làm báo cáo giá thị trường.

3. Lấy số liệu tham chiếu giá thị trường của các siêu thị.

4. Là công cụ hỗ trợ Sở Tài chính thực hiện phê duyệt báo cáo giá các đơn vị sở, ban, ngành gửi.

5. Cho phép Sở Tài chính kết xuất báo cáo giá hàng hóa dịch vụ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trên phần mềm và trình cấp có thẩm quyền xem xét.

6. Tổng hợp số liệu trên địa bàn toàn tỉnh, kết xuất báo cáo giá hàng hóa dịch vụ thuộc diện báo cáo giá thị trường theo đúng mẫu báo cáo quy định của Bộ Tài chính.

7. Là công cụ tiếp cho phép tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai nhập dữ liệu về giá kê khai, đăng ký của hàng hóa dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá và theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Lấy số liệu giá thuốc trên Cơ sở dữ liệu về giá thuốc của Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế.

9. Kho Cơ sở dữ liệu về giá trong thẩm định giá, quản lý giá trong tổ tụng hình sự.

10. Kho dữ liệu về các văn bản giá của nhà nước, văn bản về giá của địa phương ban hành.

11. Tích hợp xác thực đăng nhập một lần cho ứng dụng, giúp người dùng chỉ cần đăng nhập một lần là có thể khai thác toàn bộ các ứng dụng bên trong, giải quyết triệt để bài toán quản lý quá nhiều tài khoản của người dùng.

12. Quản lý tài sản mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh, tin học hóa quy trình đề nghị trang cấp tài sản từ các đơn vị cấp dưới.

13. Địa chỉ truy cập Hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương: <https://quanlygia.langson.gov.vn>.

Điều 5. Nguyên tắc chung trong quản lý, sử dụng, khai thác Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

1. Hoạt động của hệ thống Nền tảng số phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Luật Công nghệ thông tin, Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn

thông tin mạng, Luật Giá và các quy định pháp luật liên quan về an toàn bảo mật thông tin trong việc sử dụng, trao đổi các chứng từ điện tử, văn bản điện tử.

2. Việc trao đổi, gửi văn bản mật và các thông tin được quy định không trao đổi qua môi trường mạng phải tuân thủ theo các quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định khác về quản lý thông tin trên mạng internet.

3. Các thông tin về tài khoản truy cập vào hệ thống Nền tảng số và các thông tin trao đổi hợp pháp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thông qua hệ thống Nền tảng số được bảo mật theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi phát tán mã độc máy tính thông qua Nền tảng số sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định pháp luật có liên quan.

5. Cá nhân, đơn vị, tổ chức được giao sử dụng các tài khoản của phần mềm chịu trách nhiệm về tài khoản được giao theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương II

QUẢN LÝ HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Điều 6. Quản lý Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

1. Sở Tài chính quản lý Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn: giữ tài khoản quản trị hệ thống, quản lý tài khoản được cấp của hệ thống, theo dõi quá trình cập nhật giá của các cơ quan, đơn vị, kê khai giá của các tổ chức, doanh nghiệp, quản lý nhật ký hoạt động của người dùng, thực hiện cấp mới và thu hồi tài khoản người dùng khi không còn nhu cầu sử dụng. Phối hợp đơn vị cung cấp phần mềm, đơn vị cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và hạ tầng truyền thông thực hiện lưu trữ dữ liệu về giá an toàn theo định kỳ, đảm bảo hệ thống hoạt động thường xuyên, liên tục không bị gián đoạn.

2. Sở Tài chính thường xuyên tổng hợp các vướng mắc trong quá trình sử dụng hệ thống Nền tảng số cùng những kiến nghị để kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý.

3. Trường hợp có sự cố hoặc thay đổi do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật hiện hành, Sở Tài chính có trách nhiệm thực hiện tiếp nhận, phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm khắc phục và thay đổi theo tình hình thực tế và theo yêu cầu. Ngoài ra, trong trường hợp cần phải nâng cấp hoặc sửa chữa phần mềm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị cung cấp phần mềm thực hiện.

4. Đơn vị cung cấp phần mềm có trách nhiệm hỗ trợ Sở Tài chính thực hiện việc kết nối Cơ sở dữ liệu về giá của tỉnh Lạng Sơn với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá khi có yêu cầu và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 7. Quy định về cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khai thác Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

1. Sở Tài chính là cơ quan sử dụng Nền tảng số tổng hợp quản lý giá và khai thác Cơ sở dữ liệu về giá trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành là cơ quan sử dụng hệ thống Nền tảng số tổng hợp quản lý giá và khai thác Cơ sở dữ liệu về giá trong phạm vi ngành, lĩnh vực mình quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, các cơ quan chuyên môn khác theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện) là cơ quan sử dụng hệ thống Nền tảng số tổng hợp quản lý giá và khai thác Cơ sở dữ liệu giá thuộc phạm vi quản lý.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác được cấp quyền sử dụng hệ thống Nền tảng số để khai thác Cơ sở dữ liệu về giá trong phạm vi đơn vị mình quản lý.

Điều 8. Quản lý danh mục hàng hóa, dịch vụ, tài khoản trên Nền tảng số quản lý giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ cập nhật vào Nền tảng số

a) Giá hàng hóa, dịch vụ do các Bộ, ngành Trung ương định giá:

- Điện (bán lẻ, bán buôn); các dịch vụ về điện theo quy định của Luật Điện lực bao gồm: dịch vụ phát điện, dịch vụ truyền tải điện, dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, dịch vụ điều độ vận hành hệ thống điện, dịch vụ điều hành giao dịch thị trường điện lực, dịch vụ phân phối điện;

- Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do Trung ương quản lý;

- Dịch vụ kết nối viễn thông;

- Dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ viễn thông công ích trừ các dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện đặt hàng;

- Tiền bản quyền khi khai thác, sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ;

- Tiền đền bù đối với quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp người được chuyển giao quyền sử dụng sáng chế và người nắm độc quyền sử dụng sáng chế không thỏa thuận được;

- Tiền đền bù đối với quyền sử dụng giống cây trồng được chuyển giao theo quyết định bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền;

- Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

- Nước sạch;

- Hàng dự trữ quốc gia (trừ các trường hợp thực hiện mua theo hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp, bán theo hình thức đấu giá theo quy định pháp luật về dự trữ quốc gia và hàng dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh);

- Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở Trung ương;

- Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;

- Dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại: đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên;

- Dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y; dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật, thực vật;

- Sách giáo khoa;

- Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định pháp luật về giáo dục;

- Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định pháp luật về giáo dục, giáo dục đại học;

- Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định pháp luật về giáo dục nghề nghiệp;

- Dịch vụ môi giới theo hợp đồng môi giới đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

- Nhà ở công vụ;

- Nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở;

- Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư đối với nhà chung cư thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn;

- Nhà ở, dịch vụ khác thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của Luật Nhà ở;

- Dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;
- Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ;
- Sản phẩm, dịch vụ gia tăng sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do Bộ, ngành quản lý theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân (không bao gồm các dịch vụ được thu phí, lệ phí theo quy định pháp luật về phí và lệ phí);
- Đất thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định pháp luật về đất đai;
- Các hàng hóa, dịch vụ khác trong danh mục quy định tại Phụ lục số II kèm theo Luật Giá.

b) Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá theo quy định của Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023

- Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý;
- Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương;
- Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương;
- Nước sạch (giá cụ thể);
- Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương;
- Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập;
- Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Giá các loại đất;
- Giá cho thuê đất, thuê mặt nước;
- Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương;
- Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ;
- Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô;
- Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;
- Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước);

- Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước;
- Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng;
- Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước.

c) Giá đăng ký của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá.

d) Giá kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá.

đ) Giá tài sản thuộc sở hữu nhà nước theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

e) Giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại địa phương.

g) Giá giao dịch bất động sản.

h) Quản lý trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định pháp luật về đấu thầu.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm cập nhật danh mục hàng hóa, dịch vụ theo quy định của các Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; kịp thời cập nhật, bổ sung, sửa đổi các nội dung và biểu mẫu phù hợp theo các quy định do Chính phủ, Bộ Tài chính ban hành mới về Cơ sở dữ liệu về giá; đồng thời hướng dẫn cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng.

3. Tài khoản đăng nhập Nền tảng số quản lý giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

a) Sở Tài chính (tài khoản sotaichinh); các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, tổ chức, đơn vị: mỗi đơn vị được cấp một tài khoản quản trị tham gia Nền tảng số quản lý giá.

b) Đăng nhập hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá tại địa chỉ: <http://https://quanlygia.langson.gov.vn> bằng tài khoản do Sở Tài chính cấp.

Tên đăng nhập và mật khẩu: nhập tên đăng nhập và mật khẩu vào hệ thống do Sở Tài chính cấp.

4. Sở Tài chính quản lý, sử dụng tài khoản Nền tảng số quản lý giá là cơ quan quản lý thống nhất toàn bộ các tài khoản tham gia sử dụng Nền tảng số quản lý giá.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị giao cho 01 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động quản lý, sử dụng tài khoản Nền tảng số quản lý giá trong phạm vi đơn vị mình quản lý. Đối với cấp huyện giao cho 01 cán bộ, công chức Phòng Tài chính - Kế hoạch để sử dụng tài khoản phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá thuộc phạm vi quản lý. Danh sách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sử dụng (họ và tên, chức vụ, bộ phận công tác, điện thoại, địa chỉ thư điện tử) gửi về Sở Tài chính để phối hợp theo dõi, quản lý.

6. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân được giao quản lý, sử dụng tài khoản chịu trách nhiệm quản lý tài khoản được cấp, không được chia sẻ cho

người khác dưới bất cứ hình thức nào. Trường hợp mất mật khẩu của tài khoản, thực hiện đăng ký lại mật khẩu theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

7. Trường hợp có sự thay đổi người quản lý, sử dụng tài khoản, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này giao cho người quản lý mới sử dụng tài khoản. Đồng thời, người được giao quản lý, sử dụng thực hiện thay đổi mật khẩu của tài khoản đó.

8. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị tối thiểu 06 tháng phải thay đổi mật khẩu 01 lần (mật khẩu tối thiểu là 8 ký tự) để tăng cường độ bảo mật; chịu trách nhiệm về sự cố xảy ra nếu liên quan đến thông tin truy cập trên cơ sở dữ liệu tại đơn vị mình.

9. Sở Tài chính chịu trách nhiệm thêm mới, sửa, đóng, xóa tài khoản tham gia Nền tảng số quản lý giá cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối với tài khoản đã có tương tác và phát sinh dữ liệu trên hệ thống thì không được xóa tài khoản, chỉ được sửa thông tin hoặc đóng tài khoản. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu thêm mới, sửa đổi, đóng, xóa tài khoản phải có văn bản đề nghị Sở Tài chính để thực hiện.

10. Cá nhân được cấp tài khoản phần mềm chịu trách nhiệm lưu giữ thông tin mật tài khoản (người dùng, mật mã) theo quy định pháp luật về an ninh, an toàn thông tin hiện hành.

Điều 9. Khắc phục khi Nền tảng số quản lý giá gặp sự cố

1. Khi không truy cập được vào Nền tảng số quản lý giá hoặc gặp sự cố khác: các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên hệ với Sở Tài chính (qua Văn phòng Sở, số điện thoại 02053 874 295) để được hướng dẫn, xử lý.

2. Ngay sau khi nhận được thông tin về sự cố, Sở Tài chính tiếp nhận, hướng dẫn người sử dụng khắc phục sự cố hoặc lỗi truy cập Nền tảng số quản lý giá hoặc liên hệ với đơn vị cung cấp để phối hợp xử lý sự cố kịp thời.

Điều 10. Thông tin phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân sử dụng nguồn thông tin phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá từ các văn bản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc các nguồn thông tin khác theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 142/2015/TT-BTC ngày 4 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá thực hiện theo nguyên tắc phối hợp, chia sẻ thông tin hoặc mua tin theo hợp đồng mua tin, hợp đồng cung cấp thông tin, hợp đồng cộng tác viên cung cấp thông tin và chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định pháp luật có liên quan.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm về mức độ tin cậy của thông tin cung cấp để xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 11. Quy định về cập nhật, sử dụng phần mềm Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

1. Sở Tài chính

a) Tổng hợp, cập nhật thông tin cơ sở dữ liệu về giá của các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện và doanh nghiệp cung cấp; danh mục hàng hoá dịch vụ kê khai giá, danh sách tổ chức thực hiện kê khai giá.

b) Cập nhật về giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định chế độ báo cáo thị trường.

c) Cập nhật giá dịch vụ, hàng hoá thuộc thẩm quyền định giá Bộ Tài chính; giá hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính tham mưu.

d) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá trên địa bàn tỉnh; giá hàng hóa dịch vụ thuộc danh mục thực hiện kê khai giá của các tổ chức, doanh nghiệp tại Sở Tài chính; giá hàng dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh (nếu có); hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị, doanh nghiệp quốc phòng, an ninh (nếu có).

đ) Cập nhật kết quả thẩm định giá hàng hoá dịch vụ trên địa bàn; danh sách các đơn vị thẩm định giá trên địa bàn tỉnh.

e) Định kỳ báo cáo hàng tuần, tháng, quý, năm về thông tin giá hàng hóa dịch vụ của địa phương theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

g) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá của địa phương.

h) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

i) Cập nhật văn bản, quyết định công bố quỹ bình ổn giá các mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá theo quy định vào phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương (nếu có).

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Cập nhật giá các loại đất trên địa bàn tỉnh và đất trong khu kinh tế; đất thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định pháp luật về đất đai.

b) Cập nhật bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

c) Cập nhật giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai.

d) Cập nhật giá đất giao dịch bất động sản.

đ) Cập nhật danh mục giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định pháp luật chuyên ngành.

e) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

g) Cập nhật giá trị tài sản được thẩm định giá của đơn vị quản lý.

h) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

i) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm theo kỳ báo cáo của từng dữ liệu.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Cập nhật giá hàng hoá, dịch vụ:

- Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y; dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật, thực vật.

- Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương.

- Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương; sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương; rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương; giá nước sạch sinh hoạt nông thôn.

- Thóc tẻ, gạo tẻ.

- Phân đạm; phân DAP; Phân NPK.

- Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản.

- Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm.

- Thuốc bảo vệ thực vật.

b) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

c) Cập nhật danh mục giá trị tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung.

d) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

đ) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a, b, c, d cho Sở Tài chính xét duyệt tổng hợp để cập nhật vào phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá định kỳ hàng quý, năm theo kỳ báo cáo của từng dữ liệu.

4. Sở Xây dựng

a) Cập nhật giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước theo quy định pháp luật về nhà ở; dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Cập nhật giá giao dịch bất động sản.

c) Cập nhật giá trị danh mục, giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị; danh mục, giá trị kết cấu hạ tầng kỹ thuật thuộc thẩm quyền quản lý.

d) Cập nhật danh mục và giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định pháp luật chuyên ngành.

đ) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

e) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá theo lĩnh vực chuyên ngành.

g) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại mục a, b, c, d, đ, e khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt tổng hợp để cập nhật vào phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá định kỳ, quý, năm theo kỳ báo cáo của từng dữ liệu.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Cập nhật giá sách giáo khoa; học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định pháp luật về giáo dục; học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học; học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

b) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

c) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá theo lĩnh vực chuyên ngành.

d) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại mục a, b, c khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt tổng hợp để cập nhật vào phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá định kỳ hàng quý, năm theo kỳ báo cáo của từng dữ liệu.

6. Sở Giao thông vận tải

a) Cập nhật danh mục dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do trung ương quản lý; dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý; dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt trên kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư (nếu có); giá dịch vụ vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt đô thị (nếu có).

b) Cập nhật kê khai giá cước dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định; cước vận tải bằng xe buýt theo tuyến cố định; cước vận tải hành khách bằng xe taxi.

c) Cập nhật danh mục và giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định pháp luật chuyên ngành.

d) Cập nhật danh mục, giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thẩm định giá của đơn vị quản lý.

đ) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

e) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá theo lĩnh vực chuyên ngành.

g) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại mục a, b, c, d, đ, e khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt tổng hợp để cập nhật vào phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm theo kỳ báo cáo của từng dữ liệu.

7. Sở Y tế

a) Cập nhật danh mục giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; giá dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập; dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập; giá dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại: đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên. Giá thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám, chữa bệnh; giá dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập và Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập, máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn (nếu có).

b) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

c) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá theo lĩnh vực chuyên ngành.

d) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại mục a, b, c khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt tổng hợp để cập nhật vào phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá định kỳ quý, năm theo kỳ báo cáo của từng dữ liệu.

8. Sở Công Thương

a) Cập nhật danh mục điện (bán lẻ, bán buôn); giá sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; giá khí dầu mỏ hoá lỏng.

b) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

c) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá theo lĩnh vực chuyên ngành.

d) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại mục a, b, c khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá định kỳ hàng quý, năm theo kỳ báo cáo của từng dữ liệu.

9. Sở Tư pháp

a) Cập nhật danh mục và giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng.

b) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

c) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá theo lĩnh vực chuyên ngành.

d) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại mục a, b, c khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá định kỳ hàng quý, năm theo kỳ báo cáo của từng dữ liệu.

10. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Cập nhật tiền đền bù đối với quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp người được chuyển giao quyền sử dụng sáng chế và người nắm độc quyền sử dụng sáng chế không thỏa thuận được.

b) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

c) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá theo lĩnh vực chuyên ngành.

d) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại mục a, b, c khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm theo kỳ báo cáo của từng dữ liệu.

11. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Cập nhật danh mục về giá dịch vụ kiểm định kỹ thuật máy móc, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

b) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

c) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá theo lĩnh vực chuyên ngành.

d) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a, b, c khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá định kỳ hàng quý, năm theo kỳ báo cáo của từng dữ liệu.

12. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Cập nhật danh mục về giá dịch vụ kết nối viễn thông; dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ viễn thông công ích trừ các dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện đặt hàng.

b) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

c) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá theo lĩnh vực chuyên ngành.

d) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a, b, c khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá định kỳ hàng quý, năm theo kỳ báo cáo của từng dữ liệu.

13. Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn

a) Cập nhật giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật.

b) Giá trúng thầu hàng hóa dịch vụ do đơn vị thực hiện mua sắm theo quy định pháp luật đấu thầu của đơn vị.

c) Định kỳ hàng quý, năm tổng hợp gửi Sở Tài chính cập nhật vào phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá theo quy định.

14. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

a) Cập nhật danh mục tiền bản quyền khi khai thác, sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

b) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

15. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Phòng Tài chính - Kế hoạch cập nhật

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định pháp luật;

- Giá kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện kê khai giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá của các doanh nghiệp thực hiện đăng ký giá tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Giá kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá của các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Giá trúng thầu hàng hóa dịch vụ do đơn vị thực hiện mua sắm theo quy định pháp luật đấu thầu;

- Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường theo quy định của Bộ Tài chính và quy định pháp luật có liên quan;

- Định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm tổng hợp gửi Sở Tài chính cập nhật vào phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá theo quy định.

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường cập nhật:

- Thông tin về giá khởi điểm để đấu giá, giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định; giá đất tái định cư; giá đất bồi thường giải phóng mặt bằng; giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên địa bàn;

- Định kỳ hàng quý, năm tổng hợp gửi Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật vào phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá theo quy định.

16. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ bình ổn giá

Thực hiện kê khai lần đầu và giá kê khai lại giá hàng hoá dịch vụ thực hiện bình ổn giá gửi Sở Tài chính và Sở quản lý chuyên ngành trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá.

17. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa được quy định việc cập nhật dữ liệu về giá các hàng hóa, dịch vụ, tài sản tại Quy chế này, căn cứ danh mục quy định tại khoản 1 Điều 9 của Quy chế này tự thực hiện rà soát, kiểm tra đối chiếu các hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý và các lĩnh vực giá quy định

hiện hành để cập nhật giá vào phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá theo quy định tại Quy chế này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm các sở, ban, ngành

Ủy ban nhân dân tỉnh giao các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy chế, với một số nội dung như sau:

1. Sở Tài chính

a) Quản lý, duy trì và đảm bảo kỹ thuật cho hoạt động thông suốt, liên tục của phần mềm.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị cung cấp phần mềm và các sở, ngành có liên quan hướng dẫn vận hành, sử dụng phần mềm.

c) Cấp quyền (tên đơn vị, tên đăng nhập và mật khẩu) cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

d) Phối hợp hỗ trợ các cơ quan, đơn vị về việc khắc phục sự cố trong quá trình sử dụng phần mềm.

đ) Tham mưu, đề xuất nâng cấp, hiệu chỉnh phần mềm, để kịp thời đáp ứng các yêu cầu trong công tác quản lý giá và yêu cầu của thực tiễn.

e) Tổ chức kiểm tra, xét duyệt dữ liệu về giá do các cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi đến để cập nhật vào phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá.

g) Tổ chức việc theo dõi, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, khai thác sử dụng phần mềm hiệu quả, thường xuyên, liên tục.

2. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Tài chính triển khai vận hành, sử dụng phần mềm; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai vận hành phần mềm trên thực tế.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan.

a) Tổ chức triển khai sử dụng, khai thác phần mềm thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm hiệu quả, thường xuyên, liên tục.

b) Trực tiếp cập nhật cơ sở dữ liệu về giá do đơn vị mình quản lý, tổng hợp báo cáo định kỳ hàng tuần, tháng, quý, 06 tháng, năm gửi Sở Tài chính xét duyệt để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính thông qua Hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá. Cụ thể:

Thời gian chốt số liệu báo cáo:

- Báo cáo tháng: tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng kỳ báo cáo.

- Báo cáo quý: tính từ ngày 01 của tháng đầu tiên đến ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý kỳ báo cáo.

- Báo cáo 6 tháng: tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 6 trong năm kỳ báo cáo.

- Báo cáo 9 tháng: tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 9 trong năm kỳ báo cáo.

- Báo cáo năm: tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 12 trong năm kỳ báo cáo.

Thời hạn gửi báo cáo: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ xây dựng báo cáo và gửi báo cáo giá thị trường về Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 05 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm; đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm.

Các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo về Sở Tài chính định kỳ vào ngày cuối 01 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo.

Đối với báo cáo đột xuất: thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo thực hiện theo yêu cầu của Sở Tài chính để đảm bảo kịp thời tổng hợp báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

c) Quản lý, chỉ đạo, đôn đốc việc sử dụng phần mềm đúng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo bí mật tài khoản người dùng, nội dung thông tin theo quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan của Nhà nước.

d) Bố trí cán bộ có kiến thức về công nghệ thông tin theo dõi, quản lý và xử lý các sự cố thông thường trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; thông báo kịp thời các sự cố xảy ra ngoài khả năng và trách nhiệm xử lý về Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông.

đ) Triển khai thực hiện các nội dung quản lý, sử dụng phần mềm tại Quy chế này đến từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

e) Cấp quyền (tên đơn vị, tên đăng nhập và mật khẩu) cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc phạm vi mình quản lý.

g) Giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc tổ chức cập nhật giá các hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý vào phần mềm theo quy định tại Quy chế này.

4. Các cá nhân được cấp tài khoản sử dụng: có trách nhiệm bảo mật thông tin tài khoản được cấp theo quy định pháp luật hiện hành, sử dụng tài khoản được cấp đúng mục đích theo quyền hạn, nhiệm vụ được giao, sử dụng đúng thao tác vận hành phần mềm. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phụ trách quản lý về giá của các đơn vị chịu trách nhiệm bổ sung đầy đủ thông tin về giá của đơn vị mình trước khi trình thủ trưởng đơn vị (hoặc người có thẩm quyền) phê duyệt.

Điều 13. Kinh phí bảo đảm cho việc duy trì, nâng cấp, quản lý, vận hành Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

1. Kinh phí duy trì, nâng cấp, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Sở Tài chính theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Hằng năm, Sở Tài chính có trách nhiệm lập dự toán ngân sách phục vụ cho việc duy trì, nâng cấp, quản lý, vận hành phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật.

3. Việc quản lý, sử dụng kinh phí duy trì, nâng cấp, quản lý, vận hành phần mềm Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 33/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Kinh phí mua thông tin về giá phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá

a) Trường hợp phải mua thông tin để xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá thì Sở Tài chính thực hiện ký hợp đồng và thanh toán kinh phí mua thông tin theo hợp đồng ký với các tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin.

b) Các trường hợp mua thông tin được thanh toán kinh phí:

Thông tin thuộc nội dung cơ sở dữ liệu cần thu thập và không có sẵn.

Thông tin cần thiết phải thu thập phục vụ công tác quản lý nhà nước về giá và không có sẵn trong cơ sở dữ liệu.

Các trường hợp mua tin khác do thủ trưởng cơ quan xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá quy định, đảm bảo tiết kiệm, có hiệu quả.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức cá nhân sử dụng Hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.